



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM HIỆN NAY

HỒ THỊ DUNG

Trường Đại học Hồng Đức - Thanh Hóa
Email: hoithidung@hdu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến một trong ba thành phần chính của chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam sau 2015 là hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Dựa trên kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo của một số nước phát triển trên thế giới, tác giả đã đưa ra một số nhận xét về chương trình đào tạo giáo viên ở một số trường sư phạm nước ta hiện nay, từ đó đề xuất một số định hướng trong việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên tại các trường sư phạm.

Từ khóa: Phát triển; năng lực tổ chức; hoạt động trải nghiệm sáng tạo; sư phạm.

(Nhận bài ngày 13/5/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 26/5/2016; Duyệt đăng ngày 27/10/2016).

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo (Nghị quyết 29 - NQ/TW) đã xác định cần phải đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực: “Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hoà đức, trí, thể, tâm hồn; dạy người, dạy chữ và dạy nghề”. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 đã nêu: “Trên cơ sở đánh giá chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tham khảo chương trình tiên tiến của các nước, thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa từ sau năm 2015 theo định hướng phát triển năng lực học sinh (HS)”. Để thực hiện chiến lược giáo dục trên, các trường sư phạm cần chú trọng bồi dưỡng năng lực dạy học và năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên (SV).

Hiện nay, mục tiêu giáo dục phổ thông là chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức cho HS sang trang bị những năng lực, đặc biệt là năng lực hành động, năng lực thực tiễn. Phương pháp giáo dục phổ thông cũng đã được đổi mới theo hướng “Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”. Do vậy, giáo dục cần phải được thay đổi theo hướng tăng cường, tạo điều kiện tối đa để HS được trải nghiệm. Muốn làm được điều này, giáo viên (GV) phổ thông phải có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS theo phương thức trải nghiệm sáng tạo.

2. Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm sáng tạo

2.1. Khái niệm về hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Nghiên cứu thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực sáng tạo cho HS là xu hướng của nhiều nước có nền giáo dục tiên bộ trên thế giới như Singapore, Hàn Quốc, Anh, Nhật, Đức... Đây là xu hướng xây dựng chương trình giáo dục phổ thông

chuyển từ tiếp cận “nội dung” sang tiếp cận “năng lực”. Cách tiếp cận này có nhiều ưu điểm bởi nó giúp cho người học có được những năng lực cụ thể để đáp ứng các đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống.

Ở Việt Nam, “hoạt động trải nghiệm sáng tạo” (HĐTNST) là khái niệm mới mẻ đối với GV phổ thông và sinh viên (SV). Trong chương trình giáo dục tại các trường phổ thông hiện nay, người ta thường đề cập đến khái niệm hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HGDNGLL). Bản chất HĐTNST là hoạt động giáo dục nhưng nó khác với HGDNGLL về mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện. HĐTNST là hoạt động giáo dục, có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy nhằm mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ có sự phát triển nhân cách toàn diện, có sức sáng tạo, biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời giáo dục HS những phẩm chất như: Tính độc lập, tự chủ, biết chia sẻ và quan tâm đến những người xung quanh... HĐTNST về cơ bản là hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ cá nhân, với sự nỗ lực giáo dục nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể.

Theo chúng tôi: “HĐTNST là hoạt động giáo dục có mục đích, được tổ chức theo phương thức tạo mọi điều kiện cho HS tham gia nhằm hình thành và phát triển tư tưởng, tình cảm, kĩ năng sống và năng lực cần thiết của con người trong xã hội hiện đại”.

Như vậy, HĐTNST không chỉ thực hiện ngoài giờ lên lớp mà còn trong dạy học các môn khoa học, các hoạt động theo chủ đề... theo định hướng HS được tham gia và trải nghiệm trong các hoạt động đó. Vì vậy, để triển khai hiệu quả các HĐTNST, GV cần có năng lực tổ chức các hoạt động nhằm khuyến khích HS tham gia và sáng tạo trong mọi hoạt động.

2.2. Một số kinh nghiệm quốc tế về tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo

HĐTNST được quan tâm ở hầu hết các nước phát

triển, nhất là các nước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực như Anh, Đức, Hà Lan, Mĩ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc.... chú ý giáo dục nhân văn, giáo dục sáng tạo, giáo dục phẩm chất và kĩ năng sống...

Ở Hàn Quốc, chương trình HĐTNST là bắt buộc trong chương trình cơ bản chung của quốc gia, được thực hiện xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông. Chương trình HĐTNST ở Hàn Quốc gồm 4 nhóm hoạt động chính là hoạt động độc lập, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động tình nguyện, hoạt động định hướng. Mục tiêu của việc tổ chức các nhóm hoạt động này nhằm giúp HS phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân, bồi dưỡng cho HS ý thức sống tự lập, biết chia sẻ với những người xung quanh, từ đó định hướng, hình thành ở HS ý thức cộng đồng và những phẩm chất cao đẹp mà người công dân thế giới cần có. Trong đó ở bậc Tiểu học, HĐTNST nhằm hình thành những thói quen sinh hoạt cơ bản, nuôi dưỡng ý thức, tư duy tập thể cho HS, đồng thời phát hiện ra các tố chất, cá tính ở mỗi em. Đối với cấp Trung học cơ sở, HĐTNST hướng tới giáo dục HS có thái độ biết chung sống hòa hợp với mọi người trong cộng đồng, biết suy nghĩ đến tương lai mình sẽ làm gì, đồng thời biết phát hiện và tự khẳng định giá trị của bản thân trong tập thể. Đối với cấp Trung học phổ thông, HĐTNST nhằm giúp HS biết định hướng nhu cầu đa dạng của HS theo hướng lành mạnh, mỗi HS cần phải biết tự lựa chọn hướng đi cho bản thân và phát triển được thế mạnh của mình.

Do vậy, việc tổ chức HĐTNST được thực hiện theo hướng tăng cường tính tự chủ của HS trong hoạt động. Tuy nhiên, khi tổ chức hoạt động, nhà trường đều xem xét những đặc trưng về văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán, điều kiện khí hậu của nhà trường và địa phương để thực hiện một cách linh động, sáng tạo, biết sử dụng có hiệu quả các yếu tố nhân lực, vật lực trong mỗi hoạt động.

Ở Singapore, HĐTNST có tên gọi là hoạt động ngoại khóa và chương trình học tập năng động bao gồm hoạt động ngoài trời. Đây là một thành phần cốt lõi của toàn bộ hoạt động trải nghiệm của nhà trường. Chương trình giáo dục của Singapore được xây dựng theo định hướng phát triển các năng lực thế kỉ XXI cho HS bao gồm: Rèn luyện thân thể và các môn thể thao, rèn luyện tinh thần đồng đội và thi đấu công bằng, HS có nhận thức đầy đủ về nền văn hóa phong phú, các di sản của xã hội đa sắc tộc, rèn luyện và hình thành ở HS một số phẩm chất như tính kỉ luật, tinh thần hỗ trợ nhau, tinh kiên cường... phát triển các năng lực xã hội, hình thành ở HS khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường.

Nội dung của hoạt động ngoại khóa bao gồm học tập và sinh hoạt những giá trị đạo đức, thực hành các kĩ năng mềm. Nội dung của chương trình học tập năng động nhằm tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm: Kinh nghiệm trong tự nhiên, học tập tổng hợp một cách sáng tạo và tạo nên chính mình.

Để thực hiện các hoạt động giáo dục này, tại Singapore có một Ủy ban Phụ trách về hoạt động ngoại khóa trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về chỉ đạo thực hiện hoạt động này ở các nhà trường. Mỗi trường học có một hội đồng phụ trách chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động.

Việc đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa của HS được thực hiện thông qua hệ thống xếp loại trong đó bao gồm các tiêu chí: Năng lực lãnh đạo, các hoạt động nâng cao năng lực, thành tích, mức độ cá nhân tham gia, các dịch vụ xã hội đã đóng góp.

Như vậy, mặc dù tên gọi các hoạt động này ở mỗi nước có khác nhau nhưng giữa các nước đều có một điểm chung là hầu hết các nước đều coi đây là một hoạt động giáo dục quan trọng chứ không phải là một môn học trong nhà trường. Chương trình giáo dục của các nước đều khẳng định hoạt động giáo dục là một thành tố cơ bản cấu thành nên chương trình cơ bản chung quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục. Do vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới sẽ góp phần quan trọng trong việc đưa ra những định hướng và đề xuất trong việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam cũng như công tác đào tạo GV phổ thông tại các trường sư phạm hiện nay.

2.3. Thực trạng chương trình đào tạo giáo viên ở một số trường sư phạm hiện nay

Theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), cấu trúc chương trình đào tạo GV được quy định cụ thể về khối lượng kiến thức cho tất cả các ngành học trước đây là 210 đơn vị học trình và được thiết kế trong thời gian đào tạo là 4 năm. Sau khi chuyển đổi sang học chế tín chỉ, chương trình đào tạo của một ngành học là 120-140 tín chỉ.

Mục tiêu đào tạo SV sư phạm bao gồm các tiêu chí cơ bản sau:

- SV nắm vững được hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo về chuyên ngành đào tạo để khi ra trường họ có thể tiến hành tốt hoạt động giảng dạy và giáo dục ở các trường phổ thông.

- Hình thành cho SV phương pháp luận khoa học, cách tư duy - suy nghĩ và phương pháp hành nghề dạy học; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề suốt đời; hình thành phẩm chất và năng lực hoạt động trí tuệ sáng tạo để đáp ứng các yêu cầu biến đổi và phát triển không ngừng của nghề nghiệp và của xã hội.

- Bồi dưỡng cho SV lí tưởng, niềm tin, định hướng giá trị, lối sống nghề nghiệp, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và những phẩm chất của người GV chân chính.

Từ lâu, việc đào tạo GV phổ thông của các trường sư phạm đã xác định rõ 3 nhiệm vụ trên. Do vậy, chương trình đào tạo GV tại các trường sư phạm ngoài việc trang bị tri thức nghề cho SV, đã tổ chức rèn luyện kĩ năng nghề ngay trong quá trình học tập tại trường sư phạm như: Tổ chức hội thi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP),



tổ chức các câu lạc bộ như: Tiếng Anh, Giáo dục kĩ năng sống... Ngoài ra, việc rèn luyện kĩ năng nghề của SV còn được thông qua các đợt kiến tập sư phạm (KTSP), thực tập sư phạm (TTSP) - Đây là giai đoạn rất quan trọng giúp SV bước đầu làm quen, tập dượt với công việc của nghề dạy học, liên hệ giữa kiến thức trong nhà trường với thực tế giảng dạy, giữa kiến thức ở bậc đại học với kiến thức ở bậc phổ thông. SV có điều kiện thể nghiệm và vận dụng những điều mình tích lũy được ở trường đại học vào hoạt động dạy học cụ thể.

Tuy nhiên, qua sự nghiên cứu của nhiều chuyên gia giáo dục, chương trình khung giáo dục đại học khối ngành sư phạm của Việt Nam hiện nay có một số tồn tại:

Một là, tỉ lệ thời gian đào tạo dành cho các khối kiến thức chưa hợp lí, gần một nửa thời gian học các môn đại cương và các môn khoa học chính trị. Do vậy, kiến thức SV tiếp thu được không sâu. Khối kiến thức NVSP còn ít nên việc rèn các kĩ năng nghề nghiệp cho SV như: Kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, kĩ năng tổ chức HĐNGLL,... còn hạn chế. Thời gian dành cho kiến thức sư phạm chỉ chiếm từ 16 - 18%, trong đó, thực tập sư phạm chỉ chiếm 10 đvht/210 đvht (đvht: Đơn vị học trình).

Hai là, các chuyên ngành đào tạo trong trường sư phạm hầu như cùng chung một khối kiến thức giáo dục đại cương là bất hợp lí. Thực tế khảo sát cho thấy 14 ngành sư phạm đào tạo GV trung học phổ thông ở một trường đại học sư phạm đều có các môn đại cương như nhau.

Ba là, chương trình đào tạo GV còn nhiều hạn chế, thời gian thực tập còn ít, chỉ có 8-10 tuần đi thực tập và cũng chỉ giới hạn ở một số tiết nhất định tại trường phổ thông.

Bốn là, chương trình đào tạo GV phổ thông còn nặng về kiến thức hàn lâm, chưa chú trọng phát triển năng lực của SV, chưa đề cập đến năng lực dạy học tích hợp và phân hóa trong giảng dạy. SV chưa được trang bị một cách hợp lí các kĩ năng về giáo dục toàn diện, nhất là về kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng tham vấn học đường, kĩ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm,...

Năm là, nội dung các học phần Tâm lí học, Giáo dục học chưa thực sự gắn kết và bắt kịp với sự biến đổi ngày càng phức tạp ở thực tế phổ thông. Do vậy, SV cảm thấy ít gắn bó với môn học này và mang tâm lí học đối phó. Kết quả là nhiều SV ra trường bị hổng hụt và lúng túng trước những tình huống họ gặp phải ở trên lớp.

Sáu là, các học phần về phương pháp dạy học bộ môn tuy đã cố gắng trang bị cho SV nắm vững hệ thống các phương pháp dạy học và cập nhật những vấn đề đổi mới về phương pháp giảng dạy ở phổ thông, song vẫn còn khoảng cách khá xa giữa lí thuyết và thực tiễn, giữa đào tạo ở trường sư phạm với thực tế giảng dạy ở nhà trường phổ thông.

Do vậy, tổng kết công tác KTSP, TTSP của SV tại một số trường phổ thông, theo đánh giá chung của GV phổ thông, cho thấy:

- *Về công tác giảng dạy*: SV đã biết soạn giáo án đảm bảo đúng yêu cầu ở trường phổ thông, bước đầu việc tổ chức dạy học đã đạt được mục tiêu của bài học. Tuy nhiên, việc phân phối thời lượng bài dạy chưa hợp lí, phương pháp dạy học vẫn nặng về thuyết trình, kĩ năng trình bày bảng chưa khoa học, khả năng diễn đạt kém, chưa linh hoạt trong xử lí các tình huống, việc đặt câu hỏi trên lớp còn vụn vặt, dàn trải...

- *Về công tác giáo dục HS*: Bước đầu SV đã biết lập kế hoạch cho công tác chủ nhiệm, nghiên cứu làm các loại hồ sơ, sổ sách, tìm hiểu HS và gia đình HS, đặc điểm HS cá biệt và đề xuất biện pháp tác động. Tuy nhiên, SV tổ chức một giờ sinh hoạt lớp chưa hợp lí, việc triển khai các HĐGDNGLL còn nhiều lúng túng và huy động nguồn lực tham gia vào hoạt động giáo dục chưa hiệu quả.

Như vậy, chương trình, nội dung, phương thức đào tạo GV phổ thông hiện nay của các trường sư phạm mới tập trung chú trọng vào nhiệm vụ dạy tri thức nghề cho SV. Việc dạy cách tư duy giáo dục, cách làm giáo dục, cách hành nghề, phương pháp tự học, tự nghiên cứu và phương pháp tổ chức các HĐGDNGLL... cho SV chưa được chú trọng và chưa thực hiện thường xuyên. Để khắc phục tình trạng trên, cách làm giáo dục cần phải được thay đổi theo hướng tăng cường, tạo điều kiện tối đa để HS được trải nghiệm. Muốn làm được điều này, GV phổ thông phải có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS theo phương thức trải nghiệm sáng tạo. Điều đó cho thấy cần phải bồi dưỡng, phát triển năng lực tổ chức HĐTNST cho SV ngay trong quá trình học tập tại các trường sư phạm.

3. Một số định hướng phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên sư phạm

3.1. Sinh viên cần nhận thức đầy đủ về vai trò của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các nhà trường phổ thông theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới

Thuật ngữ HĐTNST là một khái niệm khá mới mẻ đối với SV. Do vậy, để tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường phổ thông hiệu quả, bản thân SV cần hiểu đầy đủ về những định hướng đổi mới giáo dục sau 2015. Dự thảo Đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau 2015 đã tóm tắt một vài nét đặc trưng trong thiết kế chương trình giáo dục phổ thông như sau: "*Xác định hệ thống năng lực cơ bản, thiết yếu mà HS cần đạt. Các năng lực này sẽ chi phối việc xác định các lĩnh vực/môn học cốt lõi và các hoạt động giáo dục quan trọng nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục*". HĐTNST là một trong 3 thành phần chính của chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam sau 2015 đó là: Hệ thống các năng lực cốt lõi, các lĩnh vực học tập và hoạt động giáo dục.

Vì vậy, SV cần nâng cao hiểu biết về HĐTNST, tránh xu hướng coi trọng các môn văn hoá, đồng nhất HĐTNST với HĐGDNGLL ở trường phổ thông. Để làm được điều này, dạy học trong các nhà trường sư phạm cần cập nhật những yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, đổi mới nội

dung, chương trình, cách dạy, cách tư duy, cách tổ chức các hoạt động giáo dục cho SV. Ngoài ra, giảng viên, đặc biệt giảng viên ngành Tâm lý - Giáo dục cần tư vấn, giới thiệu một số tài liệu về HĐTNST của các nước phát triển như: Anh, Đức, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc... giúp SV chủ động tự nghiên cứu về nội dung, cách thức tổ chức nhằm trang bị cho mình những kiến thức tối thiểu về HĐTNST.

3.2. Tăng cường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngay từ những năm học đầu

Để nâng cao chất lượng đào tạo GV, cần có nhiều yếu tố đồng bộ song trước hết phải đổi mới công tác rèn luyện NVSP cho SV. Bởi đây là yếu tố quan trọng, là đặc trưng cơ bản của trường sư phạm. Muốn đổi mới rèn luyện NVSP, phải được tiến hành từng khâu, từng bước theo một quy trình chặt chẽ, không bỏ qua hay đốt cháy một giai đoạn nào. Vì vậy, người dạy và người học phải có sự kiên trì, bền chí, có sự hợp tác và quyết tâm cao.

Trong những năm vừa qua, đào tạo nghiệp vụ cho SV sư phạm đã được quan tâm nhiều hơn trước. Tuy vậy, trong đào tạo GV cần tập trung nâng cao kiến thức chuyên môn mà chưa chú ý đến rèn luyện NVSP cho SV. Cụ thể, trong quá trình đào tạo tại trường sư phạm, việc tổ chức rèn luyện NVSP hầu như các trường tập trung nhiều đến rèn luyện kỹ năng dạy học mà ít chú ý đến rèn luyện kỹ năng giáo dục và kỹ năng tổ chức các hoạt động sư phạm khác.

Do vậy, đào tạo trong nhà trường sư phạm cần tăng cường rèn luyện NVSP cho SV, trong đó mỗi năm học cần xác định cụ thể hệ thống kỹ năng nghề cần rèn luyện, song song với việc rèn luyện cần tổ chức các hội thi NVSP cấp khoa, trường nhằm kích thích tính tích cực của SV trong rèn nghề.

Nghề dạy học là nghề truyền cảm hứng hình thành giá trị nhân cách cho con người, mỗi lời nói, mỗi cử chỉ của thầy, cô đều ảnh hưởng sâu sắc đến suy nghĩ, tình cảm, định hướng giá trị... của HS. Vì thế, SV sư phạm không chỉ học thật tốt các môn học chuyên ngành mà còn phải rèn luyện rất nhiều để có thể hình thành nhân cách toàn diện của GV. Do vậy, việc xác định hệ thống kỹ năng sư phạm cơ bản, cốt lõi, những yêu cầu về nhận thức, về giá trị đối với GV vì thế càng trở nên hết sức cần thiết đối với công tác đào tạo nghề cho SV sư phạm.

3.3. Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo của sinh viên thông qua kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm

KTSP, TTSP là giai đoạn giúp cho SV làm quen với nghề sư phạm, đây là thời gian SV có điều kiện vận dụng các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo ở trường sư phạm vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục HS. Vì thế, KTSP, TTSP được coi là khâu chuyển giao giữa lý luận và thực tiễn, giữa những kiến thức học tập trong nhà trường và công việc thực tế SV sẽ làm sau này. Qua đợt KTSP, TTSP có thể đánh giá trình độ nghiệp vụ sư phạm nói chung, kỹ năng tổ chức HĐTNST nói riêng của giáo sinh trong tương lai.

Trên cơ sở lý luận về HĐTNST được tiếp thu ở trường đại học, SV tiến hành rèn luyện kỹ năng tổ chức HĐTNST trong các hoạt động cụ thể ở nhà trường phổ thông. Căn cứ vào chủ đề của từng tháng, SV cần xây dựng kế hoạch các hoạt động, trong đó làm rõ mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành, người thực hiện, kiểm tra và đánh giá kết quả của mỗi hoạt động. SV cần tổ chức cho HS cùng tham gia bàn bạc, nêu ý kiến hoặc tự HS xây dựng kế hoạch và phân chia công việc, nhiệm vụ rồi thực hiện. Dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường, thời gian thực hiện, nguồn lực, vật lực, SV có thể lựa chọn các hình thức câu lạc bộ (văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, học thuật...), các trò chơi, các diễn đàn, hội thi, tham quan, dã ngoại, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện... để tổ chức cho HS được tham gia và trải nghiệm, tạo cơ hội cho các em phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của bản thân, thể hiện được ý tưởng cá nhân, tự khẳng định mình, đồng thời phát triển ở HS các năng lực quan trọng như: Năng lực làm chủ bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực ra quyết định và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn,...

Sau mỗi hoạt động, SV cần tổng kết, đánh giá hiệu quả của các hoạt động, trong đó cần làm rõ các nguyên nhân có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động, trên cơ sở đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành sao cho hiệu quả nhất.

Tổng kết đợt KTSP, TTSP, giảng viên cần lấy ý kiến đánh giá của GV phổ thông về mức độ thành thực các kỹ năng nghề của SV hiện nay, những kỹ năng nào còn yếu từ đó làm cơ sở để điều chỉnh nội dung, chương trình rèn luyện kỹ năng nghề cho SV ở trường Đại học.

3.4. Giáo dục đại học cần nâng cao chất lượng nội dung, chương trình đào tạo ngành học

Hàng năm, các trường đại học cần tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình đào tạo, để cương chi tiết học phần đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và mục tiêu chất lượng của từng ngành đào tạo. Tăng cường công tác rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho SV.

Ngoài ra, cần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ môn trong việc xây dựng nội dung, chương trình, quản lý chất lượng đào tạo, tổ chức thực hiện nội dung chương trình, tăng cường sinh hoạt chuyên môn học thuật, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với phương thức đào tạo, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá để nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tính tự học cho người học. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học như tổ chức hoạt động nhóm, tổ chức seminar, báo cáo chuyên đề chuyên môn, học thuật để nhằm củng cố và mở rộng kiến thức cho SV. Đẩy mạnh công tác thực hành, thực tập nhằm gắn lý thuyết với thực hành, giúp SV nắm vững kiến thức, tự tin và chủ động giải quyết các công việc của người cán bộ trong tương lai.

4. Kết luận

Sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nói chung và phát triển các trường sư phạm nói riêng



đòi hỏi phải có một đội ngũ nhà giáo có tâm huyết, vững chuyên môn, giỏi tay nghề đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Do vậy, các trường sư phạm có vai trò quan trọng trong việc đào tạo GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Xu hướng hội nhập và yêu cầu đổi mới giáo dục đặt ra cho các trường/khoa sư phạm hiện nay là cần phải thay đổi cách đào tạo GV, GV phải trở thành những nhà giáo dục nhiều hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức, biết làm chủ được môi trường công nghệ thông tin - truyền thông mới và phải chuẩn bị về mặt tâm lý cho một sự thay đổi cơ bản về vai trò của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Angela F. L. Wong - Goh Kim Chuan, (2006), *The Practicum in Teacher Training: a preliminary and qualitative assessment of the improved National Institute of Education-School Partnership Model in Singapore*, Asia-Pacific Journal of Teacher Education, Vol 34, No 1, Marh.
- [2]. Nguyễn Thanh Bình, (2012), *Xác định các tiêu chí*

đánh giá năng lực giáo dục cho sinh viên sư phạm thực tập tốt nghiệp, MS SPHN11-96-VNCSP.

[3]. *Clinical Preparation of teachers*, (2010), A Policy Brief from American Association of Colleges For Teacher Education.

[4]. Nguyễn Thị Kim Dung, *Chương trình đào tạo giáo viên có hiệu quả ở một số nước trên thế giới*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 58, tháng 7, năm 2010, tr. 61-64.

[5]. Kì yếu hội thảo *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, tháng 8, năm 2014.

[6]. Lại Thị Yến Ngọc, (2014), *Chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kinh nghiệm đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm sáng tạo của Hàn Quốc*, Kì yếu hội thảo Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tháng 8 năm 2014.

[7]. Đỗ Ngọc Thống, *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam*, Kì yếu hội thảo Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tháng 8 năm 2014.

DEVELOPING ORGANIZATION CAPACITY TO CREATIVE ACTIVITIES FOR STUDENTS AT UNIVERSITIES OF EDUCATION

Ho Thi Dung

Hong Duc University - Thanh Hoa province

Email: hothidung@hdu.edu.vn

Abstract: *The article mentions one of three main components of general curriculum in Vietnam after 2015 is creative activity. Basing on international experience in organizing creative experiences, the author has made some comments on current teachers' training programs at several universities of education in Vietnam; then, some orientation in developing organization capacity to creative activities for students were given, contributed to improving quality of training teachers at universities of education.*

Keywords: *Development; organization capacity; creative activities; universities of education.*